TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **689**/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 23-11-2022
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Quách Thanh Bình.

Bà Ngô Thị Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2022/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 2001/2022/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5305/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978; trú tại: Số X1/X2 đường số X3, Tổ X4, Khu phố X5, phường C, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Thành Đ**, sinh năm 1977; trú tại: Số X7 đường số X8, Tổ X9, Khu phố X10, phường C, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Thành Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Thành Đ kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số AB Quyển C/2004 do Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ B, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29 tháng 9 năm 2004.

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thì cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Phạm Thành Đ hạnh phúc cho đến khoảng tháng 3 năm 2005. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống, ông Đ không kiềm chế bản thân, thường xuyên bạo hành bà về tinh thần, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. bà T đã cố gắng để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Đ.

Bị đơn ông Phạm Thành Đ cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà T rất hạnh phúc, tuy có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn, ông Đ còn yêu thương vợ và muốn gìn giữ hạnh phúc gia đình, vì vậy ông Đ không đồng ý ly hôn.

[1.2] Về con chung: Giữa bà T và ông Đ có 02 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2006.

Nguyên đơn yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con; trường hợp ông Đ yêu cầu nuôi con thì bà T đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng cho con số tiền 10.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, không yêu cầu bà T cấp dưỡng cho con trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn.

[1.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

[2] Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 2001/2022/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 6 năm 2022, ông Phạm Thành Đ có đơn kháng cáo yêu cầu giải quyết lại vụ án do ông không đồng ý ly hôn, trong cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà T có những mâu thuẫn nhưng chưa đến mức ly hôn.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Phạm Thành Đ xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu giải quyết lại vụ án theo hướng không giải quyết cho ly hôn với lý do: Ông rất yêu thương vợ con, nhường nhịn vợ. Ông mong hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà T để gìn giữ hạnh phúc gia đình do từ khi quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, vợ chồng ông có 02 con chung hiện đang tuổi học hành, ông không muốn việc ông và bà T ly hôn làm ảnh hưởng đến các con. Trong cuộc sống gia đình, ông và bà T không có mâu thuẫn trầm trọng, ông phụ giúp công việc nhà, chăm sóc gia đình, cùng bà T chăm lo cho các con. Ông mong muốn được hàn gắn mối quan hệ tình

cảm với bà T, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm không giải quyết cho ly hôn.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn do vợ chồng bà đã mâu thuẫn trầm trọng, không hòa hợp về cách sống, không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung. Về kinh tế, ông Đ không có công việc tạo thu nhập ổn định, toàn bộ chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà chi trả; trong cuộc sống, ông Đ thường xuyên không kiềm chế được cảm xúc có hành vi bạo hành đối với bà. Do 02 con chung không đồng ý cho ba mẹ ly hôn nên bà đã chịu đựng trong nhiều năm qua; năm 2011, bà đã từng nộp đơn đến Tòa án nhưng vì con nên không tiếp tục khởi kiện ly hôn. Bà xác định đã không còn tình cảm với ông Đ, cuộc sống chung không hòa hợp, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì nên yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, giải quyết cho ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Bị đơn ông Phạm Thành Đ kháng cáo yêu cầu không giải quyết cho ly hôn nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khả năng hàn gắn, đoàn tụ gia đình; nguyên đơn bà Nguyễn Thị T xác định đã không còn tình cảm với ông Đ, kiên quyết yêu cầu được ly hôn, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại các điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung: Xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Thành Đ kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số AB Quyển C/2004 do Ủy ban nhân dân xã Mong Thọ B, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29 tháng 9 năm 2004 được xác định là hôn nhân hợp pháp. bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với lí do vợ chồng bà bất đồng

trong quan điểm sống, cuộc sống chung không hòa hợp nên mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được.

Bị đơn ông Phạm Thành Đ kháng cáo không đồng ý ly hôn với lí do mâu thuẫn giữa ông và bà T chưa ở mức độ trầm trọng, ông vẫn còn tình cảm với bà T, vẫn còn khả năng đoàn tụ, mong muốn được duy trì cuộc sống hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, không làm ảnh hưởng đến các con chung, nhưng ngoài lời trình bày, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc phương án hòa giải để bà T đồng ý đoàn tụ gia đình; lý do vì con chung để tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân không phải là cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết không cho ly hôn.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được và giải quyết cho ly hôn là có cơ sở.

[2] Về con chung: Giữa bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Thành Đ có 02 con chung là Phạm Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2003 (đã trưởng thành) và Phạm Nguyễn Minh T, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2006. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất giao con chung chưa thành niên cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà T tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 10.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có cơ sở.

[3] Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Thành Đ, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn là người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn ông Phạm Thành Đ do làm trong thời hạn hợp luật định.

II. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 2001/2022/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Phạm Thành Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0027931 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND thành phố Đ, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS thành phố Đ, Tp. HCM;
- UBND xã Mong Thọ B, huyện T, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu. (TC: 17b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn